

Bản án số: **39/2019/HS-ST**

Ngày: 18/6/2019.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 4 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Hồng Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Long

2. Bà Võ Thanh Nga

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4 tham gia phiên tòa: Ông Võ Kế Út
- Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 35/2019/TLST-HS ngày 26 tháng 4 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2019/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 6 năm 2019 đối với bị cáo:

Bùi Ngọc L (tên gọi khác Đ); giới tính: Nam; sinh ngày 28 tháng 10 năm 1974 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 243/32/4 đường H, Phường A, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 01/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Con ông Ôn Văn K và bà Bùi Thị Y; chung sống như vợ chồng với bà Tạ Lê P có 01 con chung tên là Tạ Chí R, sinh năm 2013; Tiền án: Không; Tiền sự: Ngày 06/6/2016 Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 24 tháng (Quyết định số 179/QĐ-TA).

Nhân thân:

- Ngày 17/8/1990 UBND Thành phố Hồ Chí Minh đưa vào trại giáo dục, cơ sở giáo dục 24 tháng về hành vi “Cướp giật hoặc công nhiên chiếm đoạt tài sản của công dân” (Quyết định số 313/QĐ);

- Ngày 06/8/1993 Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 12 tháng tù giam về tội “Cướp giật tài sản của công dân” (Bản án số 104/HSST);

- Ngày 09/9/1994 Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 30 tháng tù giam về tội “Cướp giật tài sản của công dân” (Bản án số 162/HSST);

- Ngày 13/3/2000 Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 24 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng” (Bản án số 21/HSST);

- Ngày 21/9/2001 Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 08 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” (Bản án số 1577/HSPT).

Bị bắt, tạm giam ngày 05/12/2018.

(Có mặt).

Bị hại: Chị Trần Phương V, sinh ngày 05/02/2001.

Nơi cư trú: 495/44/16 đường T, Khu phố 7, thị trấn NB, huyện N B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Đỗ Đình D, sinh năm 1968

Nơi cư trú: Ấp 4, xã T H, huyện P G, tỉnh Bình Dương.

(Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 03/12/2018, Bùi Ngọc L điều khiển xe Honda hiệu WaveS, màu đỏ, biển số 61T4 – 65XX lưu thông trên đường Vĩnh Khánh rẽ trái ra đường Hoàng Diệu. Khi đến chốt đèn xanh-đỏ dưới chân cầu Ông Lãnh, Phường 6, Quận 4, L nhìn thấy chị Trần Phương V đang điều khiển xe gắn máy hiệu Vision, màu đen, biển số 59C1 - 832.XX phía trước cùng chiều, trong túi quần bên phải của V có 01 điện thoại di động hiệu Apple, loại Iphone 7, màu hồng - trắng nên L nảy sinh ý định cướp giật. Để thực hiện ý định, L điều khiển xe chạy theo, khi đến trước nhà số 129/26M Bến Vân Đồn, Phường 6, Quận 4, L điều khiển xe ép sát bên phải của V, dùng tay trái giật lấy điện thoại di động của V rồi tăng ga bỏ chạy. V phát hiện truy hô “cướp, cướp” và đuổi theo. Lúc này có anh Phạm Cao T và Võ Nguyễn Đăng K là dân quân thường trực Phường 5, Quận 4 đang trên đường đi trực nghe thấy nên cùng V đuổi theo, khi đến đối diện số 243/1 Hoàng Diệu, Phường 8, Quận 4 thì có anh Nguyễn Ngô Hoàng N (là nhân viên giao hàng của công ty LaLaMove) dùng xe gắn máy của mình tông thẳng vào xe của L làm cho L té ngã. Long cầm điện thoại trên tay chạy bộ vào nhà người dân lân cận thì Công an Phường 8, Quận 4 cùng anh T, K đến khống chế L và thu hồi điện thoại di động hiệu Apple, loại Iphone 7, màu hồng - trắng của chị V. Sau đó đưa L về trụ sở Công an làm rõ. Sau khi bị cướp giật, chị V đến Công an Phường 6, Quận 4 trình báo sự việc. Đồng thời Công an Phường 8, Quận 4 bàn giao L và tang vật cho công an Phường 6, Quận 4 lập hồ sơ chuyển giao Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an Quận 4 điều tra làm rõ.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an Quận 4, Bùi Ngọc L đã thừa nhận toàn bộ hành vi của mình như đã nêu trên.

Theo kết luận định giá tài sản số 163/KL-HĐĐG ngày 19/12/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Quận 4 kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Apple, loại Iphone 7, màu hồng – trắng 128Gb, số Imei: 353778084914500 đã qua sử dụng có giá trị là 5.700.000 đồng; 01 ốp lưng điện thoại Iphone 7 bằng nhựa màu vàng

đã qua sử dụng, không xác định được giá trị và 01 sim điện thoại di động số 0764632900 đã qua sử dụng, không xác định được giá trị.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Apple, loại Iphone 7, màu hồng - trắng, số Imei: 353778084914500 đã qua sử dụng và ốp lưng điện thoại màu vàng có sim điện thoại số 0764632900. Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an Quận 4 đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chị Trần Phương V là chủ sở hữu. Chị V đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm;

Vật chứng vụ án gồm: 01 xe gắn máy kiểu dáng WaveS , màu đỏ, số khung VEXBCH034EX300180; số máy: VLFEX1P52FMH – 35B501706 mang biển số 61T4 – 65XX là phương tiện Long dùng đi cướp giật điện thoại. Qua xác minh biển số xe gắn máy 61T4 – 65XX trên do ông Đỗ Đình D đứng tên chủ sở hữu nhưng số khung, số máy không trùng khớp với số khung, số máy của xe gắn máy trên. Ông Đỗ Đình D khai nhận đã cho xe có biển số 61T4 – 65XX cho con là Đỗ Đình B sử dụng từ năm 2015, hiện nay B không cư ngụ tại địa phương, không rõ ở đâu. Kết quả giám định số khung, số máy xe trên còn nguyên thủy nhưng không xác định được chủ sở hữu; 01 quần tây dài màu đen; 01 áo sơ mi dài tay màu xanh đen và 01 đôi dép màu nâu. Đây là trang phục L mặc đi cướp giật tài sản; 01 dụng cụ dùng để mở khóa bằng kim loại thu giữ trên người của L.

Tại Bản cáo trạng số 41/CT-VKS ngày 26/4/2019 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 4 truy tố bị cáo Bùi Ngọc L về tội ‘Cướp giật tài sản’ theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, bị cáo Bùi Ngọc L có lời khai phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Đồng thời, bản thân bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là sai trái, nên xin Tòa án giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4 trình bày lời luận tội: Giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Bùi Ngọc L về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Đề nghị tuyên mức hình phạt đối với bị cáo từ 04 (bốn) năm đến 05 (năm) năm tù; không áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với bị cáo; Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu nên không đặt ra vấn đề xem xét; Về xử lý vật chứng: Tịch thu, sung quỹ Nhà nước 01 xe gắn máy kiểu dáng WaveS , màu đỏ, số khung VEXBCH034EX300180; số máy: VLFEX1P52FMH - 35B501706; Tịch thu, tiêu hủy 01 biển số 61T4 – 65XX, 01 quần tây dài màu đen, 01 áo sơ mi dài tay màu xanh đen, 01 đôi dép màu nâu và 01 dụng cụ dùng để mở khóa bằng kim loại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận 4, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 4, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

[2] Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Bùi Ngọc L thừa nhận toàn

bộ hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã nêu. Qua lời khai của bị cáo, đối chiếu với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 03/12/2018, trước nhà số 129/26M Bến Vân Đồn, Phường 6, Quận 4, bị cáo Bùi Ngọc L đã có hành vi dùng xe gắn máy làm phương tiện để công khai chiếm đoạt điện thoại của chị Trần Phương V, đây là thủ đoạn nguy hiểm mà bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội. Theo kết luận định giá 01 điện thoại di động hiệu Apple, loại Iphone 7, màu hồng - trắng, đã qua sử dụng có trị giá là 5.700.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp giật tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Cho nên, truy tố của Viện kiểm sát nhân dân Quận 4 là có căn cứ.

[3] Hành vi của bị cáo rất táo bạo, liều lĩnh, công khai chiếm đoạt tài sản của người khác một cách nhanh chóng ngay trên đường phố, nơi đông người qua lại. Sau khi giật tài sản, bị cáo đã nhanh chóng tăng ga tẩu thoát, thể hiện sự xem thường tính mạng, sức khỏe của người khác. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc làm của mình là sai trái, vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện đến cùng. Bản thân bị cáo là người nghiện ma túy, theo đó bị cáo đã có tiền sự về việc bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Do đó, Hội đồng xét xử xét cần áp dụng mức hình phạt tương xứng mới đủ sức dè dặt, giáo dục bị cáo. Tuy nhiên, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên khi lượng hình cần áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Ngoài ra, bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại điện thoại di động Apple, loại Iphone 7, màu hồng - trắng cho chị Trần Phương V và chị V đã nhận lại điện thoại, không có yêu cầu bồi thường gì thêm, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về xử lý vật chứng:

-Đối với 01 xe gắn máy kiểu dáng WaveS, màu đỏ, số khung VEXBCH034EX300180; số máy: VLFEX1P52FMH - 35B501706 mang biển số 61T4 – 65XX. Căn cứ vào kết quả giám định đã kết luận số khung, số máy xe trên còn nguyên thủy nhưng không xác định được chủ sở hữu. Mặc dù, bị cáo L khai nhận xe này L đã mua của một người không rõ lai lịch, không làm giấy tờ mua bán, nên không có cơ sở để xác minh được lời khai của bị cáo về việc xe này bị cáo đã mua. Tuy nhiên, bị cáo đã sử dụng xe này để làm phương tiện phạm tội, nên cần tịch thu, sung quỹ Nhà nước 01 xe gắn máy kiểu dáng WaveS, màu đỏ, số khung 65XX; số máy: VLFEX1P52FMH - 35B501706. Đối với biển số 61T4 – 65XX, qua xác minh biển số này do ông Đỗ Đình D đứng tên chủ sở hữu nhưng số khung, số máy không trùng khớp với số khung, số máy của xe gắn máy mang biển số này. Ông Đỗ Đình D khai nhận đã cho con là Đỗ Đình B sử dụng từ năm 2015, hiện nay B không cư ngụ tại địa phương, không rõ ở đâu. Hội đồng xét xử xét, biển số 61T4 – 65XX không còn giá trị sử dụng, nên cần tịch thu, tiêu hủy;

- Đối với 01 quần tây dài màu đen, 01 áo sơ mi dài tay màu xanh đen, 01 đôi dép màu nâu và 01 dụng cụ dùng để mở khóa bằng kim loại, xét các vật dụng này không còn giá trị sử dụng, nên cần tịch thu, tiêu hủy.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Bùi Ngọc L phạm tội “Cướp giật tài sản”.

- Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 171, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bùi Ngọc L 04 (bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 05/12/2018.

Tiếp tục tạm giam bị cáo để bảo đảm thi hành án, thời hạn tạm giam là 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

- Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật Hình sự sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tịch thu, sung quỹ Nhà nước 01 xe gắn máy kiểu dáng WaveS, màu đỏ, số khung VEXBCH034EX300180; số máy: VLFEX1P52FMH - 35B501706;

Tịch thu, tiêu hủy 01 biển số 61T4 – 65XX, 01 quần tây dài màu đen, 01 áo sơ mi dài tay màu xanh đen, 01 đôi dép màu nâu và 01 dụng cụ dùng để mở khóa bằng kim loại.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 50, ngày 20/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 4).

- Căn cứ Điều 135 và Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

2. Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; Bị hại và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo; (1)
- Người tham gia tố tụng; (2)
- TP.HCM (PC 53); (2)
- ND TP.HCM; (1)
- Sở Tư pháp TP.HCM; (1)
- VKSND Quận 4; (2)
- Công An Quận 4; (2)
- Chi cục THADS Quận 4; (1)
- Chi cục THAHS Quận 4; (3)
- Lưu VT, hồ sơ. (2)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Trần Hồng Loan